

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình G.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Trường V – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đồng Thị H** – Sinh năm: 1998; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình Q** – Sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện A, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/01/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2023 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đồng Thị H yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Đồng Thị H và anh Nguyễn Đình Q có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh B vào ngày 03 tháng 7 năm 2023. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh

phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Q không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ đầu tháng 8 năm 2023, chị về nhà cha mẹ chị sống cho đến nay và cũng từ đó, chị và anh Nguyễn Đình Q không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Đồng Thị H và anh Nguyễn Đình Q chưa có con và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Đồng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Đình Q trình bày:

2.1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 01 năm 2024 và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 01 năm 2024, anh Nguyễn Đình Q trình bày về điều kiện kết hôn giống như chị Đồng Thị H khai, còn về mâu thuẫn không có gì nhưng không hiểu sao từ đầu tháng 8 năm 2023, chị Đồng Thị H về nhà cha, mẹ chị sống, anh yêu cầu nhiều lần nhưng chị H không về. Nay chị Đồng Thị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

2.2. Về con chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Đình Q và chị Đồng Thị H chưa có con và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đồng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

Về con chung: Chị Đồng Thị H và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Đồng Thị H và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Đồng Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình Q có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 01 năm 2024, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị H và anh Nguyễn Đình Q có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh B vào ngày 03 tháng 7 năm 2023. Hôn nhân của chị H và anh Q là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H và anh Q không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ đầu tháng 8 năm 2023, chị H về nhà cha mẹ chị sống cho đến nay và cũng từ đó, chị và anh Nguyễn Đình Q không ai quan tâm đến ai, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay chị Đồng Thị H làm đơn khởi kiện ly hôn gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết, anh Nguyễn Đình Q cố tình lẩn tránh, nên Tòa án không hòa giải cho anh, chị đoàn tụ được, đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Nguyễn Đình Q mới đến Tòa và thống nhất như lời trình bày của chị H. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đồng Thị H và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Đồng Thị H và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Đồng Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đồng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Đồng Thị H phải chịu 300.000^d sung ngân sách Nhà nước, chị H đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0012061 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A nay được khấu trừ.

5. Về Q kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ